

Bản án số: **183** /2024/DS-ST
Ngày: 04/11/2024
V/v “*Tranh chấp hui*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tuấn Khanh;
- Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 212/2024/TLST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1942 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị K có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 27/9/2024.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp bà K: Ông **Hồ Tấn P** – Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B.

Địa chỉ: Số A, đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông Hồ Tấn P có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Sơn H**, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 05/4/2024, Biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2024 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày như sau:

Bà là chỗ quen biết với chị Huỳnh Kim T, biết chị T làm chủ hội nên bà có chơi hội và mua hội của chị T, cụ thể như sau:

Dây hội thứ 01: Hội khui ngày 25/12/2021 âm lịch nhằm ngày , hội mệnh giá 2.000.000 đồng/phần, hội gồm 24 phần, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, bà tham gia chơi 01 phần, mỗi tháng các hội viên kêu hội 260.000 nên bà đóng hội sống số tiền 1.740.000 đồng/kỳ, đóng được 23 kỳ, đến kỳ 24 ngày 25/10/2023 âm lịch là kỳ hội cuối, bà là người được hót thì chị T tuyên bố bẻ hội.

Do dây hội đã mãn, bà đóng đến kỳ cuối nên yêu cầu chị T trả tiền hội theo mệnh giá cụ thể $2.000.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ kỳ} = 46.000.000 \text{ đồng}$.

Chị T có trả bà được 5.000.000 đồng và bà cũng chấp nhận trả cho chị T 1.000.000 đồng tiền đầu thảo nên dây hội này chị T còn nợ lại bà số tiền hội là **40.000.000 đồng**.

Dây hội thứ 02: Hội khui ngày 30/9/2022 âm lịch, hội mệnh giá 2.000.000 đồng/phần, hội gồm 20 phần, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 30 âm lịch hàng tháng, bà chơi 01 phần và mua 01 phần, cụ thể:

Phần 1: Bà chơi 01 phần, đóng được 14 kỳ hội, mỗi lần kêu hội 260.000 đồng nên bà đóng mỗi kỳ 1.740.000 đồng, với số tiền $1.740.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ kỳ} = 24.360.000 \text{ đồng}$ thì chị T tuyên bố bẻ hội nên bà không đóng nữa.

Phần 2: Bà mua 01 phần hội của bà Nguyễn Thị Diệu H1, bà cũng đóng được 14 kỳ hội, với số tiền $1.740.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ kỳ} = 24.360.000 \text{ đồng}$ thì chị T tuyên bố bẻ hội nên bà không đóng nữa.

Dây hội này, chị T có trả cho bà được 3.000.000 đồng nên còn nợ lại bà số tiền cụ thể là: $24.360.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} - 3.000.000 \text{ đồng} = \mathbf{45.720.000 \text{ đồng}}$.

Tổng cộng 02 dây hụi, chị Huỳnh Kim T còn nợ bà số tiền là 40.000.000 đồng + 45.720.000 đồng = **85.720.000 đồng**.

So với yêu cầu khởi kiện ban đầu với số tiền hụi **93.000.000 đồng** thì bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu trả số tiền hụi là **85.720.000 đồng**.

Anh Trần Sơn H là chồng chị Huỳnh Kim T biết chị T làm chủ hụi, biết tôi có chơi hụi của chị T mở, quan hệ hôn nhân anh H, chị T vẫn còn nên bà yêu cầu anh Trần Sơn H có nghĩa vụ liên đới cùng chị Huỳnh Kim T cùng trả nợ.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu anh Trần Sơn H, chị Huỳnh Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi **85.720.000 đồng** (T1 mười lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

** Tại Bản tự khai, Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Hồ Tấn P, trình bày như sau:*

Bà K có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ phía bị đơn không đến là từ bỏ quyền, nghĩa vụ hợp pháp. Do đó, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho chị Huỳnh Kim T các văn bản tố tụng nhưng chị Huỳnh Kim T vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị Huỳnh Kim T.*

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Sơn H có ý kiến như sau:*

Anh thừa nhận có biết việc bà Nguyễn Thị K tham gia chơi hụi do vợ anh là chị Huỳnh Kim T làm chủ. Anh biết chị T bỏ hụi và có nợ bà K. Tuy nhiên, việc chơi hụi cụ thể thế nào, số tiền hụi ra sao thì anh không biết. Việc chơi hụi của chị T có thu nhập cũng dùng để trang trải cuộc sống gia đình chung, quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T vẫn còn, anh cũng đồng ý cùng chị T trả nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 288, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biêu, phường; Điều 147, 227, 228, 238, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với số tiền hội 7.280.000 đồng (Bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc chị Huỳnh Kim T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hội 85.720.000 đồng (Tám mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện bà Nguyễn Thị K không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Kim T, anh Trần Sơn H liên đới trả nợ hội. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hội” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú bị đơn ngày 19/3/2024 của Công an xã V thì chị Huỳnh Kim T, anh Trần Sơn H có đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Kim T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Nguyễn Thị K, ông Hồ Tấn P, ông Trần Sơn H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị K rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền hụi, trước đây bà yêu cầu chị T, anh H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng), nay bà chỉ yêu cầu chị T, anh H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi là 85.720.000 đồng (T1 mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), rút yêu cầu đối với số tiền hụi 7.280.000 đồng (Bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

- Về nội dung vụ án:

[5] Bà Nguyễn Thị K khởi kiện cho rằng có chơi hụi do chị Huỳnh Kim T làm chủ và chị T còn nợ hụi với số tiền 85.720.000 đồng (T1 mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Căn cứ khởi kiện là các Giấy hụi (bút lục 07-08).

Xét thấy, căn cứ các Giấy hụi (bút lục 07-08) đều thể hiện rõ bà K có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các lời khai, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được.

Chị Huỳnh Kim T là chủ hụi nhưng không giao lại hụi cho bà Nguyễn Thị K (đối với dây hụi thứ 1 đã mãn và các phần hụi đã góp) là vi phạm nghĩa vụ chủ hụi.

Khoản 3 Điều 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phụng dưỡng quy định về “Nghĩa vụ của chủ họ”
“3. Giao các phần họ cho thành viên lãnh họ tại mỗi kỳ mở họ.”

Quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Kim T đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị Huỳnh Kim T vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến, thể hiện việc chị T đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K buộc chị Huỳnh Kim T có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 85.720.000 đồng (T1 mươi

lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 288, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Thấy rằng, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã triệu tập họp lệ chi T nhiều lần để làm việc, lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chi T vắng mặt không lý do. Cho thấy, chi Huỳnh Kim T có thái độ không hợp tác trong việc giải quyết vụ án, vi phạm quy định về quyền, nghĩa vụ bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, chi Huỳnh Kim T có ý kiến phản đối đối với các yêu cầu, tài liệu, chứng cứ của bà Nguyễn Thị K thì phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó nhưng chi Huỳnh Kim T không đưa ra các tài liệu, chứng cứ nào do đó Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc là đúng quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về yêu cầu liên đới trả nợ: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu anh Trần Sơn H có nghĩa vụ liên đới cùng chi Huỳnh Kim T trả nợ hội.

Thấy rằng, tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2024, anh Trần Sơn H đồng ý cùng chi Huỳnh Kim T trả nợ hội. Vì vậy, yêu cầu chi Huỳnh Kim T có nghĩa vụ liên đới trả nợ của bà Nguyễn Thị K là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về yêu cầu tính lãi suất: Bà Nguyễn Thị K không yêu cầu tính lãi số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do rút một phần yêu cầu khởi kiện và được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và là người cao tuổi, có yêu cầu miễn giảm án phí nên bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chi Huỳnh Kim T, anh Trần Sơn H phải liên đới chịu án phí theo quy định.

Cụ thể:

85.720.000 đồng x 5% = 4.286.000 đồng (Bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biên, phường.

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với chị Huỳnh Kim T về việc tranh chấp “hui” đối với số tiền hui 7.280.000 đồng (Bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với chị Huỳnh Kim T, anh Trần Sơn H về việc tranh chấp “hui”.

Buộc chị Huỳnh Kim T, anh Trần Sơn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 85.720.000 đồng (T1 mười lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện bà Nguyễn Thị K không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc chị Huỳnh Kim T, anh Trần Sơn H phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 4.286.000 đồng (Bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị K được miễn án phí theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Huỳnh Kim T, anh Trần Sơn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ